

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 10 và 10 tháng năm 2017

PHẦN A – KINH TẾ

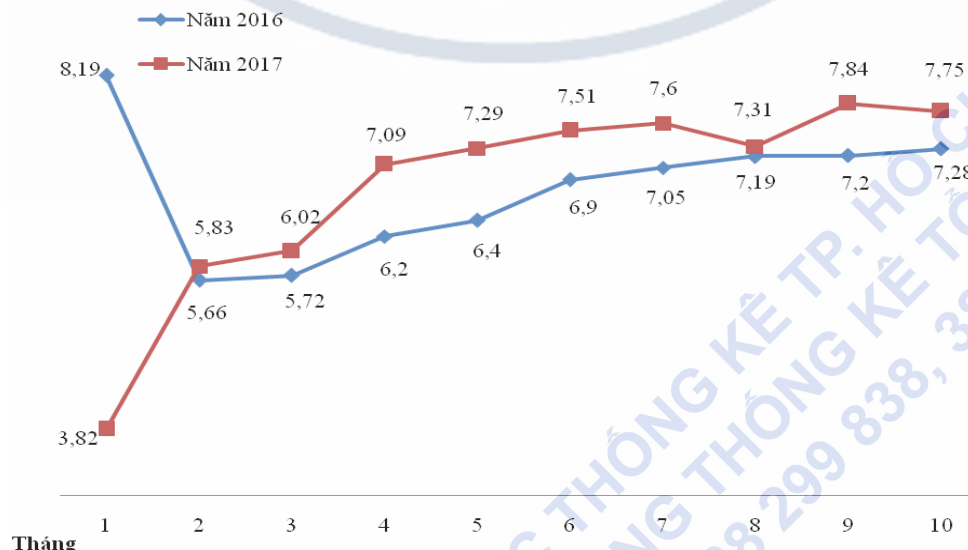
I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tháng 10 tăng 4,1% so với tháng trước. Trong tháng này một số ngành có chỉ số sản xuất tăng: sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+23,65%); chế biến thực phẩm (+11,06%); sản xuất thiết bị điện (+7,36%); sản xuất máy móc thiết bị khác (+7,34%)... Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm: sản xuất phương tiện vận tải khác (-1,76%); sản xuất kim loại (-10,7%); sản xuất sản phẩm điện tử (-10,89%)...

So với tháng 10/2016, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 12,72%. **Tính chung 10 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tăng 7,75% so với cùng kỳ năm trước**, cao hơn mức tăng của 10 tháng năm 2016 (mức tăng của năm 2016: +7,28%). Trong đó, ngành khai khoáng tăng 12,66%, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,81%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,57%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,96%.

Nhìn chung, chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp Thành phố trong 10 tháng đầu năm vẫn duy trì mức độ tăng trưởng khá và ổn định, đặc biệt là chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm luôn tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành.

Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) - %
(Cộng dồn đến tháng báo cáo)



Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 10/2017 so với tháng 9/2017	10 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	104,10	107,75
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	104,33	112,66
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	104,21	107,81
3. SX và phân phối điện	100,00	105,57
4. SX và phân phối nước	102,95	105,96
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	111,06	105,16
2. Sản xuất đồ uống	100,45	102,63
3. Sản xuất trang phục	106,58	104,75
4. Sản xuất da và SP liên quan	104,36	95,38
5. SX hóa chất và SP hóa chất	101,89	102,88
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	101,89	101,73
7. SP từ khoáng phi kim loại	123,65	110,60
8. Sản xuất SP điện tử	89,11	138,67
9. Sản xuất thiết bị điện	107,36	110,06
10. Sản xuất xe có động cơ	100,86	118,40

Trong các ngành công nghiệp cấp 2, có 23/30 ngành tăng so cùng kỳ năm trước. **Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao:** sản xuất sản phẩm điện tử tăng khá cao (+38,67%); sản xuất kim loại (+29,73%); sản xuất xe có động cơ (+18,4%); dệt (+10,8%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+10,6%); sản xuất thiết bị điện (+10,06%)... **Một số ngành có chỉ số tăng khá:** sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (9,95%); giấy (+9,38%); xử lý rác thải (+8,25%); sản xuất máy móc, thiết bị khác (+7,41%)... **Một số ngành có chỉ số giảm:** sản xuất thuốc, hóa dược (-0,19%); giường, tủ, bàn, ghế (-3,47%); da giày (-4,62%); sản xuất phương tiện vận tải khác (-13,54%)...

Các ngành thuộc 4 ngành công nghiệp trọng điểm tiếp tục tăng trưởng nhờ chủ động mở rộng thị trường, đầu tư đổi mới thiết bị nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh. Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 ngành trọng điểm ước tính tháng 10 tăng 0,18% so với tháng trước; tăng 13,38% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm tăng 12,67%, cao hơn mức tăng chung của toàn ngành. Cụ thể như sau:

- Ngành lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 3,92%;
- Ngành hóa dược tăng 1,48%, ngành này có xu hướng tăng chậm và giảm dần trong những năm gần đây (năm 2015: tăng 0,85%; năm 2016: giảm 0,58%) do di dời và hạn chế sản phẩm gây ô nhiễm môi trường;
- Ngành cơ khí tăng 6,52%;

- Ngành sản xuất hàng điện tử tăng mạnh 38,67%. Nguyên nhân do việc tiếp thu, áp dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật ở trình độ cao từ các dự án của các tập đoàn kinh tế thế giới trong lĩnh vực công nghệ bán dẫn, công nghệ vi mạch, bo mạch điện tử...

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 10 so với tháng 9	10 tháng so với cùng kỳ 2016
Tổng số	100,18	112,67
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	105,77	103,92
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	111,06	105,16
11-Sản xuất đồ uống	100,45	102,63
B-Nhóm Ngành hóa dược	102,08	101,48
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	101,89	102,88
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	102,42	99,81
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	101,89	101,73
C-Ngành Sản xuất hàng điện tử	89,11	138,67
26-Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	89,11	138,67
D-Nhóm ngành cơ khí	103,62	106,52
25-Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	104,03	109,95
27-Sản xuất thiết bị điện	107,36	110,06
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	107,34	107,41
29-Sản xuất xe có động cơ	100,86	118,4
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	98,24	86,46

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tháng 10/2017 tăng 3,52% so với tháng trước. Tính chung 10 tháng đầu năm, chỉ số tiêu thụ tăng 30,76%. Trong đó nhiều ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất sản phẩm điện tử; dệt; sản xuất xe có động cơ; sản xuất kim loại; sản xuất thiết bị điện; sản xuất đồ uống; sản xuất trang phục....

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/10 tăng 2,52% so với tháng trước. Ngành có chỉ số tồn kho tăng: sản xuất kim loại; chế biến thực phẩm; sản xuất thiết bị điện; sản xuất xe có động cơ; sản xuất trang phục... Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất giấy...

II. NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

Sản xuất vụ hè thu năm 2017: tổng diện tích gieo trồng ước đạt 10.354,8 ha, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích lúa ước đạt 6.139 ha, giảm 5%, sản lượng ước đạt 27.304,6 tấn, giảm 3%; rau 2.362,2 ha, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên năng suất tăng 10,6%, do đó sản lượng ước đạt 71.927 tấn, tăng 5,7%.

Tình hình sản xuất vụ mùa: Lúa đã xuống giống 7.431 ha, giảm 5,3% so với cùng kỳ năm trước; rau 2.508,9 ha, tăng 5,8%.

Tình hình sinh vật gây hại: trong 10 tháng, đã có 8.084 ha lúa nhiễm sâu bệnh, giảm 12,4% so với cùng kỳ; rau 7.003 ha, giảm 13,2%; hoa lan, cây kiểng 680 ha, tăng 62,8% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Chăn nuôi: Trong tháng 10, tình hình đàn gia súc, gia cầm có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, đàn trâu bò ước tính 128,6 ngàn con, giảm 3,3% so cùng kỳ năm trước (đàn bò sữa ước có 81.825 con, giảm 12,4%). Đàn heo ước đạt 295,1 ngàn con, giảm 7,5% so với cùng kỳ. Đàn gia cầm ước 406,4 ngàn con, giảm 30,1% so với cùng kỳ.

Chi cục Thú y Thành phố tiếp tục tăng cường kiểm tra tình hình dịch tễ đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt giám sát chặt chẽ hoạt động chăn nuôi của các hộ dân nhập cư, địa bàn giáp ranh với các tỉnh; triển khai rà soát tiêm phòng đợt 2/2017 trên đàn gia súc gia cầm. Đồng thời, phối hợp với các đoàn liên ngành đẩy mạnh kiểm tra tình hình vận chuyển, giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trái phép.

2. Lâm nghiệp: Trong tháng, Chi cục Kiểm lâm tổ chức 78 lượt tuần tra bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, lũy kế 10 tháng 857 lượt tuần tra; phối hợp truy quét phá rừng 8 đợt, lũy kế kiểm tra 113 đợt; bảo vệ phòng cháy chữa cháy rừng đối với chủ rừng 22 lượt, lũy kế kiểm tra 283 lượt.

3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 10 ước 5.880,2 tấn, tăng 2,8% so tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, thủy sản khai thác 1.622 tấn, giảm 11,7%; nuôi trồng 4.258,2 tấn, tăng 9,7% so tháng cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 10 tháng, sản lượng thủy sản ước đạt 45.714 tấn, tăng 1,1% so cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 16.053,9 tấn, tăng 5,6% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng khai thác thủy sản biển ước đạt 13.586 tấn, tăng 4,8% so cùng kỳ năm trước; sản lượng khai thác thủy sản nội địa ước đạt 2.460 tấn, tăng 9,7% so cùng kỳ năm trước.

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 29.714,9 tấn, giảm 1% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 5.954,4 tấn, bằng 85% so cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm ước đạt 10.032 tấn, giảm 2,9; sản lượng thủy sản khác ước đạt 13.728,5 tấn, tăng 8,2%.

Dịch bệnh trên tôm (tại huyện Cần Giờ): Từ đầu năm đến nay, 221 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 140,52 ha, đã có 93 hộ với 46,52 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/10, đã có 560 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 152,62 triệu con giống trên diện tích 3.220,3 ha, so với cùng kỳ diện tích tăng 1,87%, con giống tăng 21,3%. Tôm thẻ chân trắng có 2.303 lượt hộ thả nuôi với 639,25 triệu con giống trên diện tích 1.695,84 ha.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Vốn đầu tư XD/CB và sửa chữa lớn trên địa bàn 10 tháng thực hiện 255.472,3 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 11,3%; so với kế hoạch năm đạt 77,9%.

Vốn ngân sách Thành phố 10 tháng ước thực hiện 14.367,2 tỷ đồng, tăng 5,6% so với cùng kỳ và đạt 76,2% kế hoạch năm (10 tháng cùng kỳ tăng 2,1%). Cấp Thành phố ước thực hiện 7.564,6 tỷ đồng, chiếm 52,6%; cấp quận huyện 6.802,6 tỷ đồng, chiếm 47,4%.

Vốn đầu tư thuộc ngân sách Thành phố

	Ước thực hiện 10 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Cùng kỳ năm 2016
Tổng vốn đầu tư	14.367,2	76,2	105,6
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	586,3	73,3	59,9
Cấp thành phố	7.564,6	69,2	95,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	373,2	92,0	72,4
Cấp quận huyện	6.802,6	70,9	120,0
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	213,1	54,1	45,9

Trong tháng đã triển khai nhiều dự án chống ngập nước, trong đó có dự án máy bơm chống ngập đường Nguyễn Hữu Cảnh được đưa vào thử nghiệm đạt hiệu quả cao và sẽ được nhân rộng cho nhiều điểm ngập khác trên địa bàn. Các dự án chống kẹt xe vào sân bay Tân Sơn Nhất đang được đẩy nhanh tiến độ.

Một số dự án có khối lượng thực hiện cao trong tháng như: cải thiện môi trường nước (giai đoạn 2); bãi trung chuyển xe buýt tại khu B số 152 Điện Biên Phủ; xây dựng mới bệnh viện nhi đồng Thành phố; xây dựng mới bệnh viện ung bướu tại quận 9; xây dựng cầu nối cầu Nguyễn Tri Phương...

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm có sử dụng vốn ngân sách:

- Tuyến đường sắt Metro số 1, Bến Thành – Suối Tiên: Tính đến nay khối lượng thực hiện toàn tuyến đạt trên 52%, tiến độ thi công một số gói thầu chậm lại, do nguồn vốn ODA cấp theo kế hoạch chỉ đạt 39,1%. Đến ngày 24 tháng 10 năm 2017 bắt đầu lắp đặt đường ray.

- Cầu vượt vòng xoay Nguyễn Thái Sơn: nhánh phía Hoàng Minh Giám – Nguyễn Kiệm phía bệnh viện 175, đang thi công giai đoạn 2; nhánh phía Nguyễn Kiệm – Nguyễn Thái Sơn còn vướng giải tỏa, hiện đã thi công phần đã giải tỏa xong.

- Cầu Nhị Thiên Đường 2: đã thông xe vào ngày 19/10/2017, hoàn thành sớm trước 3 tháng so với dự kiến.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư:

Tính đến ngày 30/9, toàn thành phố đã cấp 47.171 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 9.118,5 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 46.543 giấy phép, với diện tích 9.059,7 ngàn m² và 628 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 58,8 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 9,35% về giấy phép (+4.035 giấy phép) và tăng 2,5% về diện tích (+218,6 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài¹

Từ đầu năm đến ngày 15/10, đã có 656 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với tổng vốn đăng ký đạt 981,7 triệu USD, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm trước.

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 177 dự án, số vốn tăng 701,3 triệu USD. Góp vốn, mua cổ phần có 1.772 trường hợp với vốn góp đăng ký đạt 2.293,1 triệu USD.

Như vậy, tính chung tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới, bổ sung vốn và góp vốn, mua cổ phần đến ngày 15/10 đạt 3.976,1 triệu USD, tăng 58,8% so với cùng kỳ.

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

- **Theo hình thức đầu tư:** 100% vốn đầu tư 574 dự án, vốn đầu tư đạt 855,2 triệu USD; liên doanh 80 dự án, vốn đầu tư 125,4 triệu USD; hợp đồng hợp tác kinh doanh 2 dự án, vốn đầu tư 1,1 triệu USD.

- **Theo lĩnh vực hoạt động:** công nghiệp chế biến, chế tạo có 40 dự án, vốn đầu tư đạt 476,7 triệu USD, chiếm 48,6% tổng vốn; thương nghiệp 256 dự án, vốn đầu tư 201,2 triệu USD (chiếm 20,5%); kinh doanh bất động sản 20 dự án, vốn đầu tư 124,9 triệu USD (chiếm 12,7%); thông tin và truyền thông 83 dự án, vốn đầu tư 80,4 triệu USD (chiếm 8,2%); hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ 145 dự án, vốn đầu tư 28,9 triệu USD (chiếm 2,9%); xây dựng 38 dự án, vốn đầu tư 25,9 triệu USD (chiếm 2,6%); vận tải kho bãi 27 dự án, vốn đầu tư 14,9 triệu USD...

- **Theo quốc tịch của nhà đầu tư:** đã có 53 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư. Trong đó, đứng đầu là Hoa Kỳ có 29 dự án, vốn đầu tư đạt 252,4 triệu USD (chiếm 25,7%); kế đến là Hàn Quốc 115 dự án, vốn đầu tư 144 triệu USD (chiếm 14,7%); Singapore 88 dự án, vốn đầu tư 137,5 triệu USD (chiếm 14%); Đài Loan 23 dự án, vốn đầu tư 121,2 triệu USD (chiếm 12,3%); Nhật Bản 116 dự án, vốn đầu tư 88 triệu USD (chiếm 9%); Hà Lan 19 dự án, vốn đầu tư 63,1 triệu USD; Malaysia 19 dự án, vốn đầu tư 53,3 triệu USD; Hồng Kông 38 dự án, vốn đầu tư 27,1 triệu USD...

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp²

Từ đầu năm đến ngày 15/10, Thành phố đã có 32.939 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đạt 442.457 tỷ đồng, tăng 12,5% về số lượng doanh nghiệp và tăng 85,3% về số vốn đăng ký. Vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp đạt 13,43 tỷ đồng.

Phân theo loại hình: doanh nghiệp tư nhân có 441 doanh nghiệp, giảm 17,3% so với cùng kỳ năm trước, vốn đăng ký đạt 285 tỷ đồng, giảm 16,5%. Công ty cổ

¹² Nguồn Sở Kế hoạch và đầu tư

phần 3.936 đơn vị với vốn đăng ký 216.654 tỷ đồng, số lượng tăng 18,9% và vốn tăng gấp đôi so cùng kỳ. Công ty trách nhiệm hữu hạn 28.559 đơn vị, vốn đăng ký đạt 225.493 tỷ đồng; so với cùng kỳ số lượng tăng 12,3%, vốn tăng 78,6%.

Theo khu vực kinh tế:

- Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 190 doanh nghiệp với vốn đăng ký 2.182 tỷ đồng, giảm 21,1% so với cùng kỳ.

- Khu vực công nghiệp và xây dựng 6.955 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 80.889 tỷ đồng, tăng 9,0% về số lượng và tăng 65,3% vốn đăng ký so cùng kỳ. Trong đó, ngành xây dựng có 3.329 doanh nghiệp, vốn đăng ký chiếm 68,4%, đạt 55.362 tỷ đồng, tăng 83% so với cùng kỳ.

- Khu vực thương mại dịch vụ 25.794 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 359.385 tỷ đồng, tăng xấp xỉ gấp đôi cùng kỳ. Trong đó, lĩnh vực kinh doanh bất động sản tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu với 1.954 doanh nghiệp, vốn đầu tư 186.411 triệu USD (chiếm 51,9%); thương mại 12.537 doanh nghiệp, vốn đầu tư 69.733 triệu USD (chiếm 19,4%).

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động: Theo báo cáo từ cơ quan Thuế, từ đầu năm đến ngày 30/9, Thành phố đã có 2.462 doanh nghiệp giải thể. Trong đó, 79,5% là công ty TNHH (1.957 đơn vị); doanh nghiệp tư nhân 132 đơn vị, chiếm 5,4%. Doanh nghiệp chuyển đi tỉnh thành khác có 548 đơn vị.

IV. NỘI THUỜNG

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10 ước đạt 79.016,3 tỷ đồng, tăng 1,29% so tháng trước.

Ước tính 10 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 756.667,6 tỷ đồng, tăng 11,59% so cùng kỳ.

Chia theo thành phần kinh tế:

+ Thành phần kinh tế có vốn nước ngoài có tốc độ tăng trưởng cao nhất 17,86%, chiếm 14,2%.

+ Kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng 7,6%, tăng 12,5%;

+ Kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng 78,2%, tăng 10,5%; Trong đó thành phần kinh tế tư nhân chiếm 51,7%, tăng 11,21%.

Chia theo ngành kinh tế:

a. Thương nghiệp bán lẻ hàng hóa: tháng 10 đạt 51.093,7 tỷ đồng, tăng 1,89% so tháng trước. Ước 10 tháng đầu năm đạt 488.112,1 tỷ đồng, tăng 12,46% so cùng kỳ.

Các ngành hàng có mức tăng cao là: Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 11,6%; Gỗ, vật liệu xây dựng tăng 13,3%; xăng dầu tăng 13,9%. Các ngành có mức tăng trưởng khá là: lương thực – thực phẩm 9,9%; hàng may mặc 13%; vật phẩm văn hoá, giáo dục 10,6% .

b. Dịch vụ lưu trú và ăn uống: ước tính doanh thu tháng 10 đạt 7.908,8 tỷ đồng, giảm 1,72% so tháng trước do ảnh hưởng thời tiết mưa nhiều, hoạt động ẩm thực giảm.

Ước 10 tháng đầu năm đạt 75.000,3 tỷ đồng, tăng 10,53% so cùng kỳ. Trong đó dịch vụ lưu trú tăng 13,8%; dịch vụ ăn uống tăng 10,2%.

c. Du lịch lữ hành: tháng 10 ước đạt 2.333,1 tỷ đồng, giảm 6,15% so tháng trước. do bão lũ ở một số vùng trong nước, tình hình du lịch nội địa bị ảnh hưởng. Tuy nhiên ước 10 tháng đạt 18.843,3 tỷ đồng, tăng 18,11% so cùng kỳ.

d. Dịch vụ tiêu dùng khác: Doanh thu tháng 10 ước đạt 17.680,7 tỷ đồng, tăng 2,03% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đạt 174.711,9 tỷ đồng, tăng 9,07% so cùng kỳ. Trong đó: Dịch vụ giáo dục tăng 4,5%; y tế tăng 9,2%.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 10 đạt 3.061,1 triệu USD, tăng 3,5% so tháng trước. **Ước tính 10 tháng đạt 29.150,0 triệu USD, tăng 13,3% so cùng kỳ.**

Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu 10 tháng ước đạt 26.578,2 triệu USD tăng 23,68% so cùng kỳ.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 10 đạt 2.474,9 triệu USD, giảm 10,2% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đạt 26.909,1 triệu USD, tăng 12,56% so cùng kỳ. Loại trừ dầu thô ước 10 tháng đạt 24.337,3 triệu USD, tăng 11,92%.

Chia theo thành phần kinh tế:

+ Nhà nước: đạt 3.197,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 11,9%, tăng 6,15%.

+ Ngoài nhà nước: đạt 8.801,5 triệu USD, chiếm 32,7%, tăng 6,44%.

+ Có vốn nước ngoài: đạt 14.909,7 triệu USD, chiếm 55,4%, tăng 18,09%.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu: đứng đầu là Trung Quốc với 5.213,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 19,4%; vị trí thứ 2 là Hoa Kỳ với 4.821,0 triệu USD, chiếm 17,9%; vị trí thứ 3 là Nhật Bản với 2.515,1 triệu USD, chiếm 9,3%; vị trí thứ 4 là Hàn Quốc với 1.408,5 triệu USD, chiếm 5,2%; vị trí thứ 5 là Malaysia với 1.333,7 triệu USD, chiếm 5,0%.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu (không kể dầu thô):

- **Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản** đạt 4.325,1 triệu USD, tăng 3,0% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 17,8%. Trong đó:

+ Gạo đạt 725,2 triệu USD, tăng 5,0%. Lượng gạo xuất khẩu đạt 807,9 ngàn tấn, tăng 45,8%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc (62,5%), Philippines (11,2%), Ghana (6,7%), Bờ Biển Ngà (4,7%), Malaysia (2,5%), ...

+ Cà phê đạt 618,9 triệu USD, giảm 10,5% so cùng kỳ. Lượng cà phê xuất khẩu đạt 338,9 ngàn tấn, giảm 52,6%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Đức (17,0%), Hoa Kỳ (13,3%), Tây Ban Nha (12,8%), Ý (9,1%), Algeria (4,2%)...

+ Cao su đạt 664,4 triệu USD, tăng 32,6% so cùng kỳ. Lượng cao su xuất khẩu đạt 258,8 ngàn tấn, giảm 12,2%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc (51,5%), Malaysia (17,3%), Ấn Độ (6,0%), Hàn Quốc (3,8%), Sri Lanka (2,6%)...

+ Hàng thủy hải sản đạt 675,7 triệu USD, tăng 16,4%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Nhật (20,1%), Hàn Quốc (12,1%), Malaysia (10,5%), Hoa Kỳ (7,1%), Thái Lan (7,0%)...

+ Hàng lâm sản đạt 421,9 triệu USD, giảm 3,7%. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Hoa Kỳ (32,5%), Hàn Quốc (12,5%), Trung Quốc (11,9%), Nhật (6,6%), Anh (5,7%)...

- **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 17.974,9 triệu USD, tăng 11,9% và chiếm tỷ trọng 73,9%. Trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 6.779,6 triệu USD, tăng 29,6% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 27,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể giá trị dầu thô. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc (36,3%), Hồng Kông (12,3%), Malaysia (9,4%), Hoa Kỳ (9,0%), Hàn Quốc (5,5%)...

+ Hàng may mặc ước đạt 4.427,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 18,2%, giảm 3,0% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Hoa Kỳ (46,0%), Nhật (16,3%), Hàn Quốc (7,4%), Anh (4,2%), Trung Quốc (4,2%)...

+ Hàng giày dép ước đạt 2.041,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,4%, tăng 1,9% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Hoa Kỳ (30,1%), Đức (11,3%), Trung Quốc (7,7%), Nhật (6,8%), Anh (5,3%)...

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng ước đạt 1.794,0 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,4%, tăng 6,4% so cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Nhật (19,6%), Trung Quốc (12,8%), Hoa Kỳ (12,1%), Hồng Kông (8,0%), Ấn Độ (6,0%)...

- **Nhóm hàng hóa khác** đạt 2.037,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,4%, tăng 31,0%.

* Riêng dầu thô: ước 10 tháng đạt 6.290,1 ngàn tấn, giảm 3,8%; về trị giá đạt 2.571,8 triệu USD, tăng 19,0% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 10 đạt 3.704,8 triệu USD, tăng 4,4% so tháng trước. **Ước tính 10 tháng đạt 35.173,7 triệu USD, tăng 15,4% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 10 ước đạt 2.933,2 triệu USD, tăng 0,4% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đạt 29.859,1 triệu USD, tăng 13,4% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 1.603,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,4%, tăng 23,8%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 15.358,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 51,4%, tăng 9,3%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 12.897,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 43,2%, tăng 17,3%;

Thị trường nhập khẩu chủ yếu: đứng đầu là Trung Quốc với 8.584,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 28,6%; vị trí thứ 2 là Hàn Quốc với 2.519,1 triệu USD, chiếm 8,4%; vị trí thứ 3 là Singapore với 2.445,2 triệu USD, chiếm 8,2%; vị trí thứ 4 là Hoa Kỳ với 2.015,3 triệu USD, chiếm 6,7%; vị trí thứ 5 là Thái Lan với 1.878,9 triệu USD, chiếm 6,3%.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 10 tháng năm 2017:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: nhập 7.056,5 triệu USD, tăng 28,8%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (46,5%), Hoa Kỳ (16,8%), Hàn Quốc (9,0%), Đài Loan (8,6%), Singapore (5,0%)...

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng: nhập 3.807,4 triệu USD, tăng 8,0%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (26,4%), Nhật (11,8%), Singapore (10,2%), Hàn Quốc (8,4%), Đức (5,9%)...

+ Vải các loại: nhập 1.878,3 triệu USD, giảm 0,1%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (42,0%), Đài Loan (16,8%), Hàn Quốc (14,8%), Nhật (10,7%), Hồng Kông (5,9%)...

+ Chất dẻo nguyên liệu: nhập 1.530,8 triệu USD, tăng 9,8%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Singapore (17,6%), Đài Loan (10,9%), Hàn Quốc (10,9%), Thái Lan (10,5%), Trung Quốc (9,9%)...

+ Xăng dầu các loại: nhập 757,9 triệu USD, tăng 72,0%; về lượng ước nhập 1.167,6 ngàn tấn, tăng 29,7%.

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 609,7 triệu USD, giảm 0,4%.

+ Sắt thép các loại: nhập 3.031,5 ngàn tấn, giảm 76,0%; kim ngạch đạt 1.205,7 triệu USD, giảm 4,3%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Trung Quốc (59,7%), Nhật (12,1%), Ấn Độ (10,8%), Hàn Quốc (5,0%), Đài Loan (4,2%)...

+ Dược phẩm đạt 1.175,9 triệu USD, tăng 10,0%. Thị trường nhập khẩu chủ yếu là Pháp (16,2%), Bỉ (10,4%), Ấn Độ (10,1%), Đức (9,1%), Singapore (8,8%)...

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải (bao gồm vận tải hàng hoá và vận tải hành khách) tháng 10 ước đạt 7.524,2 tỷ đồng, tăng 4% so với tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 67.084,7 tỷ đồng, tăng 13,6% so cùng kỳ 2016.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 10 tháng đầu năm 2017

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2016	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	48.393,1	18.691,6	110,6	122,2
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	3.671,5	273,2	101,9	93,4
Kinh tế ngoài nhà nước	44.468,3	13.850,4	111,5	121,1
Kinh tế có vốn nước ngoài	253,3	4.568,0	93,1	128,3
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	29.869,6	14.128,2	115,2	120,8
Đường sông	5.136,1	299,4	110,4	103,2
Đường biển	13.281,6	-	101,4	-
Đường hàng không	105,8	4.264,0	117,9	129,0

- **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 10 ước đạt 5.658,8 tỷ đồng, tăng 5,4% so tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 48.393,1 tỷ đồng, tăng 10,6% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 91,9%, tăng 11,5%; kinh tế nhà nước chiếm 7,5%, tăng 1,9%.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ chiếm tỷ trọng 61,7%, tăng 15,2%, đường biển chiếm tỷ trọng 27,4%, tăng 1,4%.

- **Vận tải hành khách:** doanh thu tháng 10 ước đạt 1.865,4 tỷ đồng, bằng tháng trước. Ước tính 10 tháng đầu năm đạt 18.691,6 tỷ đồng, tăng 22,2% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 74,1%, tăng 21,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 24,4%, tăng 28,3%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 14.128,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 75,6%, tăng 20,8%; Đường hàng không chiếm 22,8%, tăng 29%.

VII. TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 10 tháng ước thực hiện 278.472 tỷ đồng, đạt 80,05% dự toán, tăng 11,09% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 177.295 tỷ đồng, đạt 78,28% dự toán, tăng 11,88% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 13.378 tỷ đồng, đạt 107,88% dự toán, tăng 17,00% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 87.800 tỷ đồng, đạt 80,55% dự toán, tăng 8,69% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2017 (Tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2017 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2016
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	347.882	278.472	80,05	111,09
I- Thu nội địa	226.482	177.295	78,28	111,88
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.447	17.981	67,99	88,36
2. Khu vực ngoài nhà nước	57.147	41.230	72,15	113,94
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	66.884	48.514	72,53	116,69
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	109.000	87.800	80,55	108,69
III- Thu từ dầu thô	12.400	13.378	107,88	117,00

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 10,14% tổng thu nội địa, giảm 11,64% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 12.851 tỷ đồng, đạt 70,37% dự toán, giảm 9,69% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 5.130 tỷ đồng, đạt 62,66% dự toán, giảm 16,19% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 41.230 tỷ đồng, tăng 13,94% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 48.514 tỷ đồng, tăng 16,69% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 10 tháng ước thực hiện 65.376 tỷ đồng, đạt 96,50% dự toán, giảm 9,71% so cùng kỳ năm 2016.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 10 tháng ước thực hiện 42.988 tỷ đồng, đạt 60,85% dự toán, tăng 14,36% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2017 (Tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2017 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2016
Tổng chi (trừ tạm ứng)	70.647	42.988	60,85	114,36
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	25.147	16.758	66,64	121,61
II- Chi thường xuyên	34.200	24.199	70,76	106,75
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	6.054	3.969	65,57	153,05
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	10.551	6.903	65,43	109,40
Sự nghiệp y tế	2.300	1.924	83,68	72,72
Quản lý hành chính	5.661	4.173	73,72	104,97

Chi đầu tư phát triển 16.758 tỷ đồng, đạt 66,64% dự toán, tăng 21,61% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 24.199 tỷ đồng, đạt 70,76% dự toán, tăng 6,75% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 3.969 tỷ đồng, đạt 65,57% dự toán, tăng 53,05%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 6.903 tỷ đồng, đạt 65,43% dự toán, tăng 9,40%; chi sự nghiệp y tế 1.924 tỷ đồng, đạt 83,68% dự toán, giảm 27,28%; chi quản lý hành chính 4.173 tỷ đồng, đạt 73,72% dự toán, tăng 4,97% so cùng kỳ 2016.

2. Tín dụng ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 10 đạt 1.962,66 ngàn tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +1,99%); tăng 12,45% so với tháng cùng kỳ. Trong đó, vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 51,76% tổng vốn huy động, tăng 7,97% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng lớn 51,03% tổng vốn huy động, tăng 8,44% so với tháng cùng kỳ. Nguồn vốn huy động dự ước tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực, đảm bảo khả năng thanh khoản và điều kiện để tăng trưởng tín dụng đạt kết quả tích cực trong năm 2017.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 12,01%, tăng 9,65% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ tiếp tục tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 87,99%; tăng 12,84% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 10 đạt 1.677,43 ngàn tỷ đồng, tăng 19,9% so với tháng cùng kỳ và tăng 13,81% so với tháng 12/2016. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 894,56 ngàn tỷ đồng, chiếm 53,33% tổng dư nợ, tăng 16,24% so tháng cùng kỳ. Dự ước đến cuối năm 2017 dư nợ tín dụng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với các năm trước giúp cho doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 157,27 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,38% tổng dư nợ, tăng 14,08% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.520,16 ngàn tỷ đồng, chiếm 90,62% tổng dư nợ, tăng 20,54% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 09 năm 2017, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 343 gồm 340 mã cổ phiếu, 2 mã chứng chỉ quỹ và 1 mã quỹ ETF; không thay đổi so với cuối tháng trước.

Giá trị vốn hóa thị trường là 2.058.099 tỷ đồng, tăng 37,96% so với cuối năm 2016. Trong tháng 09/2017 có 20 phiên giao dịch, 11 phiên tăng điểm và 9 phiên giảm điểm. VN-Index có xu hướng tăng về cuối tháng. Trong tháng 09, VN-Index có nhiều lần thiết lập đỉnh mới kể từ đầu năm vào các ngày: 06, 07, 08, 13, 14 và 18. Tuy VN-Index có xu hướng tăng ổn định nhưng giao dịch trên thị trường kém sôi động khi cả khối lượng và giá trị giao dịch trung bình mỗi phiên trong tháng này đều giảm so với tháng trước. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 804,42 điểm, tăng 20,99% (tương ứng tăng 139,55 điểm) so với cuối năm 2016 và tăng 2,77% (tương ứng tăng 21,66 điểm) so với cuối tháng trước.

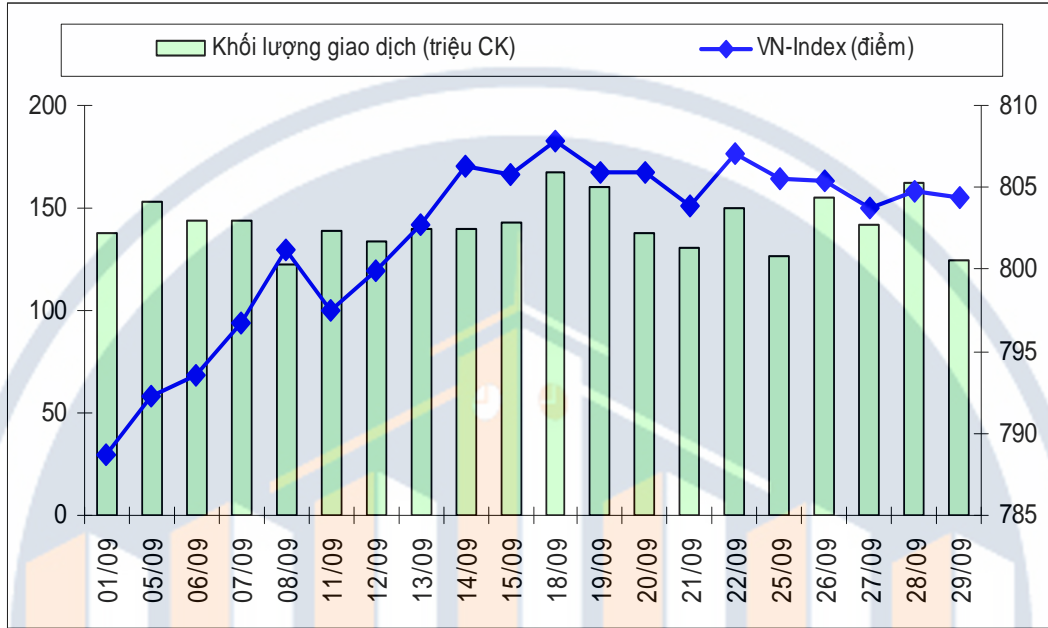
Khối lượng giao dịch trong tháng 09/2017 đạt 3.163,95 triệu chứng khoán, giảm tăng 33,59% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 72.001,72 tỷ đồng, giảm 17,84% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 158,20 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 3.600,09 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 23,63% và giá trị giao dịch giảm 5,51% so với tháng trước.

Đến cuối tháng 09 năm 2017, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 03/01 với 672,01 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 18/09 với 807,87 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 09/2017	9 tháng năm 2017	Tháng 09 so tháng 08	9 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	3.163,95	34.831,51	66,41	143,66
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	3.145,42	34.631,47	66,27	143,52
Trái phiếu	7,71	117,00	152,27	160,55
Chứng chỉ quỹ & ETF	10,82	83,04	83,62	192,71
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.851,46	31.495,74	64,28	147,03
Giao dịch thỏa thuận	312,49	3.335,77	95,18	118,13
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	72.001,72	707.202,06	82,16	155,57
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	71.076,83	694.020,65	81,74	155,37
Trái phiếu	785,44	12.165,72	151,67	163,25
Chứng chỉ quỹ & ETF	139,45	1.015,69	87,45	235,50
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	63.706,85	609.596,88	81,04	163,65
Giao dịch thỏa thuận	8.294,87	97.605,18	91,95	118,90

Đồ thị VN-Index tháng 09/2017 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 16/10/2017, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 343. Giá trị vốn hóa thị trường là 2.098.222 tỷ đồng, tăng 40,65% so với cuối năm trước; VN-Index đạt 819,43 điểm, tăng 154,56 điểm (tương ứng tăng 23,25%) so với cuối năm trước.

PHẦN B - VĂN HÓA - XÃ HỘI

I. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/8/2017 đến ngày 15/9/2019)

1. Vi phạm kinh tế, môi trường

Trong tháng, đã khám phá 72 vụ vi phạm kinh tế, bao gồm: 30 vụ buôn bán, vận chuyển hàng ngoại nhập lậu; 23 vụ kinh doanh hàng hóa không có hóa đơn chứng từ; 3 vụ kinh doanh hàng giả, vi phạm sở hữu công nghiệp; 2 vụ kinh doanh trái phép, trốn thuế; 13 vụ kinh doanh không đăng ký, kinh doanh không đúng địa điểm; 1 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thu giữ nhiều loại hàng hóa trị giá khoảng 3,4 tỷ đồng.

Trên lĩnh vực tội phạm môi trường, đã lập biên bản xử lý 31 vụ vi phạm về các hành vi gây ô nhiễm hoặc vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường, vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại, vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, vi phạm các quy định về bảo vệ động vật quý hiếm; đề xuất và ban hành 83 quyết định xử phạt hành chính với tổng số tiền hơn 5,5 tỷ đồng.

2. Phạm pháp hình sự

Ghi nhận xảy ra 404 vụ phạm pháp hình sự giảm 9,21% (-41 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 8 người, bị thương 61 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 13,7 tỷ đồng.

Tình hình phạm pháp hình sự kéo giảm, có 6 loại án được kéo giảm gồm: giết người 8 vụ (-1 vụ); cố ý gây thương tích 45 vụ (-7 vụ); cướp giật tài sản 66 vụ (-10 vụ); trộm tài sản 229 vụ (-8 vụ); lừa đảo – lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 14 vụ (-19 vụ) và án khác 14 vụ (-1 vụ). Mặc dù được kéo giảm nhưng trộm tài sản vẫn

chiếm 56,68% trong cơ cấu tội phạm và có 3 loại án tăng gồm: cướp tài sản 14 vụ (+1 vụ); cưỡng đoạt tài sản 3 vụ (+1 vụ); bắt giữ người trái pháp luật 5 vụ (+5 vụ).

3. Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

Ma túy: Đã khám phá 98 vụ, bắt 201 người vi phạm. Đã khởi tố 72 vụ với 93 người vi phạm; xử lý hành chính 26 vụ với 151 người vi phạm.

Mại dâm và tệ nạn xã hội khác: Phát hiện, xử lý 10 vụ chứa và môi giới mại dâm (chủ yếu tại địa bàn quận 5, 10).

Cờ bạc, cá độ: Đã phát hiện, xử lý 25 vụ cờ bạc với 228 người tham gia, thu giữ khoảng 375 triệu đồng và nhiều hiện vật.

4. Trật tự an toàn giao thông

Trong tháng, đã xảy ra 355 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 65 người, bị thương 259 người. Trong đó, 69 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 11,54% (-9 vụ) so với cùng kỳ năm trước, làm chết 65 người giảm 8,45% (-6 người), làm bị thương nặng 11 người, giảm 56% (-14 người) và 286 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 248 người, hư hỏng 388 xe các loại.

Ngoài ra, có 2 vụ tai nạn giao thông đường thủy trên tuyến thủy nội địa, không gây thiệt hại về người; không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

Đã lập biên bản hành chính 28.856 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tước giấy phép lái xe 4.116 trường hợp, tạm giữ 3.207 xe các loại,... ra quyết định xử phạt 20.837 trường hợp, chuyển Kho bạc Nhà nước thu khoảng 15 tỷ đồng.

5. Về tình hình cháy, nổ

Thành phố đã xảy ra 71 vụ cháy, giảm 6,58% so với cùng kỳ năm trước; làm chết 1 người và bị thương 3 người, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng 147,2 triệu đồng (15 vụ chưa ước tính được thiệt hại thành tiền). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố và vi phạm quy định trong sử dụng hệ thống điện. Không xảy ra vụ nổ nào.

II. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng 10, hệ thống đơn vị dịch vụ việc làm đã giải quyết việc làm cho 24.622 lượt người, giảm 12,33% so với tháng trước; số chỗ việc làm mới tạo ra là 11.856 chỗ làm, tăng 6,10%. Lũy kế 10 tháng, đã có 273.225 lượt người được giải quyết việc làm đạt 97,58% so với kế hoạch, số chỗ việc làm mới tạo ra là 113.331 chỗ làm đạt 90,66% so với kế hoạch.

Chính sách bảo hiểm thất nghiệp: từ ngày 1/9 đến 30/9, đã có 12.485 lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, 13.836 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 12.487 người được tư vấn - giới thiệu việc làm (trong đó, 4.148 người có việc làm), 1.625 người được hỗ trợ học nghề. Lũy kế 9 tháng, số người nộp hồ sơ 117.112 người, số người có quyết định hưởng trợ cấp 114.402 người, số người được tư vấn giới thiệu việc làm 117.218 người (có việc làm là 31.548 người), số người hỗ trợ học nghề là 14.593 người.

Phần C - CÔNG TÁC TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ 2017

Công tác Tổng điều tra kinh tế 2017 đến nay đã hoàn tất việc nghiệm thu số lượng phiếu điều tra tại Ban chỉ đạo cấp quận, huyện, phường, xã, thị trấn. Từ ngày 13/10 đến ngày 15/10, Đoàn nghiệm thu Tổng điều tra kinh tế 2017 của Trung ương đã tiến hành nghiệm thu kết quả điều tra của Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả sơ bộ thực hiện Tổng điều tra như sau:

1. Về điều tra doanh nghiệp

Đến nay, toàn Thành phố đã hoàn thành điều tra 171.661 doanh nghiệp. Hiện đang tiếp tục kiểm sửa lỗi, logic, tổng hợp số liệu chính thức năm 2016.

2. Điều tra khối hành chính sự nghiệp

Hoàn thành công tác nhập tin và kiểm lỗi 5.402 phiếu, trong đó phiếu mẫu 457/484.

3. Điều tra khối tôn giáo, tín ngưỡng

Đã thu về và nhập tin 2.302 phiếu, trong đó có 1.147 cơ sở Phật giáo, 410 cơ sở Công giáo, 66 cơ sở Cao đài.

4. Điều tra khối cá thể

Tổng số cơ sở được lập danh sách 453.440, trong đó số cơ sở được ghi phiếu điều tra là 348.063 hộ. Tiến độ nhập tin đạt 90%. Dự kiến đến 31/10 hoàn tất việc nhập tin khối cá thể.

5. Các cuộc điều tra phục vụ địa phương

Kết hợp trong Tổng điều tra, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Thành phố đã triển khai điều tra doanh nghiệp Công nghệ cao, điều tra Thương mại điện tử, điều tra Khoa học công nghệ và thị trường dịch vụ Khoa học công nghệ:

- Về điều tra Công nghệ cao: đã nhập tin 2.038 phiếu, tiến hành phỏng vấn chuyên sâu 4 bệnh viện có ứng dụng công nghệ cao.

- Về điều tra Thương mại điện tử (phiếu 1G): đã nhập tin 16.381 phiếu của doanh nghiệp, 2.379 phiếu của hộ gia đình.

- Về điều tra Khoa học công nghệ: đã thu 3.053/3.655 phiếu trình độ Khoa học công nghệ (phiếu 1E); tiến độ nhập tin đạt 65%; 5.061/6.281 phiếu thị trường dịch vụ Khoa học công nghệ (phiếu 1F), tiến độ nhập tin đạt 60%.

Dự kiến trong tháng 10 hoàn thành việc nhập tin toàn bộ các phiếu điều tra phục vụ địa phương; thiết kế biểu tổng hợp đầu ra, biên soạn đề cương ấn phẩm phân tích; rà soát tính toán GRDP; tháng 11 hoàn thành các biểu tổng hợp nhanh.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh tháng 10 và 10 tháng năm 2017.